

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 92/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH
Về an ninh hàng không*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,**Chính phủ ban hành Nghị định về an ninh hàng không.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không; đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; lực lượng kiểm soát an ninh hàng không; kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị và phương tiện bảo đảm an ninh hàng không; kinh phí bảo đảm an ninh hàng không; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác bảo đảm an ninh hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ngoài lãnh thổ Việt Nam nếu pháp luật của nước sở tại không có quy định khác; tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng ở vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý.

Chuyến bay chuyên cơ thực hiện theo Nghị định của Chính phủ về công tác bảo đảm chuyến bay chuyên cơ.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Bảo đảm an ninh hàng không là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước, Chính phủ và ngành hàng không dân dụng Việt Nam nhằm bảo vệ tính mạng của con người, tài sản trong hoạt động hàng không dân dụng; bảo vệ tàu bay và công trình,

trang bị, thiết bị tại cảng hàng không, sân bay; đối phó với các hành vi can thiệp bất hợp pháp, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại các địa bàn hoạt động hàng không dân dụng.

2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, biện pháp, quy trình, thủ tục an ninh hàng không được áp dụng phải đảm bảo an ninh tối đa cho mọi hoạt động hàng không dân dụng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận chuyển hàng không và phù hợp với các điều ước quốc tế về hàng không dân dụng mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Công tác bảo đảm an ninh hàng không là trách nhiệm của tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng.

Dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không là dịch vụ công ích, do Bộ Giao thông vận tải tổ chức cung cấp.

4. Các sự cố, hành vi vi phạm quy định về an ninh hàng không phải được phát hiện, ngăn chặn, xử lý, báo cáo kịp thời, đầy đủ và được rút kinh nghiệm, giảng bình để khắc phục những sơ hở, thiếu sót.

5. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Kiểm soát an ninh hàng không là biện pháp bảo đảm an ninh hàng không để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng, bảo vệ an toàn cho tàu bay, hành khách, tổ bay, những người dưới mặt đất, tài sản và công trình, trang bị, thiết bị của ngành hàng không.

2. Kiểm tra an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp biện pháp soi chiếu, kiểm tra trực quan và các biện pháp khác để nhận biết, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

3. Soi chiếu an ninh hàng không là việc sử dụng trang bị, thiết bị kỹ thuật hoặc biện pháp khác để phát hiện vũ khí, chất nổ hoặc vật phẩm nguy hiểm khác có thể được sử dụng để thực hiện hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

4. Giám sát an ninh hàng không là việc sử dụng riêng lẻ hoặc kết hợp con người, động vật, trang bị, thiết bị kỹ thuật để quản lý, theo dõi nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm về an ninh hàng không.

5. Lực soát an ninh hàng không là việc kiểm tra chi tiết từng đồ vật, vị trí của đối tượng, người bị lực soát nhằm phát hiện, ngăn chặn vũ khí, chất nổ hoặc thiết bị, vật phẩm nguy hiểm khác để loại trừ yếu tố gây uy hiếp an ninh hàng không. Việc lực soát an ninh hàng không do người có thẩm quyền quyết định.

6. Dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không là dịch vụ có thu liên quan đến việc thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh hàng không, bao gồm: kiểm soát an ninh hàng không; kiểm tra an ninh hàng không; soi chiếu an ninh hàng không; giám sát an ninh hàng không; lục soát an ninh hàng không; canh gác bảo vệ tàu bay; hộ tống người, phương tiện, đồ vật lưu giữ, di chuyển trong khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay.

7. Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay.

8. Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, sân bay là tài liệu xác nhận phương tiện được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay.

9. Thẻ nhận dạng tổ bay là tài liệu xác nhận, cho phép thành viên tổ bay của một hãng hàng không vào khu vực hạn chế liên quan của cảng hàng không, sân bay để thực hiện chuyến bay.

10. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ là tài liệu xác nhận người được phép vào và hoạt động trong khu vực hạn chế riêng của đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không.

11. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ là tài liệu xác nhận phương tiện được phép vào, hoạt động trong khu vực hạn chế riêng của đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không.

Chương II

KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 5. Bảo vệ an ninh, quốc phòng trong hoạt động hàng không dân dụng

1. Các cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh, quốc phòng tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh, quốc phòng tại cảng hàng không, sân bay và các cơ sở của ngành hàng không, bảo đảm an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, quốc phòng, công an nhân dân, phòng, chống khủng bố và pháp luật khác có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan trong phạm vi trách nhiệm của mình triển khai thực hiện công tác bảo vệ an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan công an triển khai các biện pháp nghiệp vụ, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn xã hội, trật tự công cộng tại cảng hàng không, sân bay và các cơ sở của ngành hàng không.

Điều 6. Thiết lập và bảo vệ khu vực hạn chế

1. Cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không phải thiết lập các khu vực hạn chế. Việc thiết lập khu vực hạn chế phải phù hợp với mục đích bảo đảm an ninh hàng không, tính chất hoạt động hàng không dân dụng và không gây cản trở cho người, phương tiện vào, ra và hoạt động bình thường tại khu vực hạn chế.

2. Người, phương tiện vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc thẻ giám sát viên an ninh, an toàn hàng không do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp là hành khách đi tàu bay hoặc trong trường hợp khẩn nguy sân bay.

3. Người, phương tiện vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải được kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không liên tục; trường hợp cần thiết theo quy định phải được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, trừ trường hợp khẩn nguy.

4. Khu vực hạn chế phải được lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ và thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh hàng không thích hợp.

5. Đối với khu vực quân sự tiếp giáp với khu vực hạn chế tại sân bay dùng chung, lực lượng quân đội phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ.

6. Đối với sân bay chuyên dùng, người khai thác sân bay hoặc người khai thác tàu bay tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ sân bay.

Điều 7. Bảo vệ khu vực công cộng thuộc cảng hàng không, sân bay

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay thiết lập các chốt canh gác, tổ chức tuần tra, kiểm soát, duy trì trật tự tại các khu vực công cộng thuộc cảng hàng không, sân bay; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, vi phạm trật tự công cộng, hành lý vô chủ, người hoặc đồ vật có dấu hiệu uy hiếp an ninh, an toàn hàng không.

2. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không có trách nhiệm phối hợp với lực lượng Công an tổ chức tuần tra canh gác chung để duy trì, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội tại khu vực công cộng thuộc cảng hàng không, sân bay.

Điều 8. Bảo vệ khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không

1. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không có trách nhiệm quản lý địa bàn, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không; xây dựng và thực hiện phương án phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo loạn, cướp phá cảng hàng không, sân bay và cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không, tấn công tàu bay trong giai đoạn cất cánh, hạ cánh.

2. Công an cấp phường, xã nơi có cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không chủ trì, phối hợp với lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, lực lượng bảo vệ của các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuần tra khu vực lân cận bên ngoài cảng hàng không, sân bay và các cơ sở hạ tầng khác của ngành hàng không nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi uy hiếp an ninh, an toàn hàng không.

Điều 9. Lực soát an ninh hàng không

1. Lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại địa bàn quản lý của cảng hàng không, sân bay thực hiện lực soát an ninh hàng không trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật.

2. Việc lực soát an ninh hàng không được thực hiện đối với tàu bay, hành khách, thành viên tổ bay, hành lý, hàng hóa, bưu gửi trên tàu bay trong trường hợp có thông tin trên tàu bay có vật phẩm nguy hiểm mà chưa được phát hiện, xác định trong quá trình kiểm tra, soi chiếu trước khi đưa lên tàu bay.

3. Trường hợp có người trên tàu bay phát ngôn đe dọa an toàn của chuyến bay, việc lực soát an ninh hàng không được thực hiện đối với tàu bay, người có hành vi phát ngôn và hành lý của người đó.

4. Việc lực soát an ninh hàng không được thực hiện khi kiểm tra, soi chiếu, giám sát an ninh hàng không đối với hành khách, thành viên tổ bay, người phục vụ chuyến bay, người khác có liên quan, hành lý, hàng hóa, bưu gửi, phương tiện mà phát hiện dấu hiệu hoặc có thông tin đe dọa đến an ninh, an toàn của chuyến bay.

5. Trường hợp có người tại điểm kiểm tra soi chiếu hoặc trong khu vực hạn chế phát ngôn đe dọa an toàn của chuyến bay, thực hiện ngay việc lực soát an ninh hàng không đối với người có hành vi phát ngôn và hành lý, đồ vật của người đó.

6. Trường hợp tại cảng hàng không, sân bay và các khu vực hạn chế khác phát hiện hành lý, đồ vật không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng, thực hiện ngay việc lực soát an ninh hàng không đối với hành lý, đồ vật đó.

7. Không thực hiện lực soát an ninh hàng không đối với trường hợp được hưởng các quyền bất khả xâm phạm thân thể theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quy định về lực soát an ninh hàng không

1. Người có thẩm quyền quyết định việc lực soát an ninh hàng không, đối tượng và phạm vi lực soát an ninh hàng không bao gồm:

a) Người đứng đầu lực lượng kiểm soát an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Người đứng đầu bộ phận kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 9 của Nghị định này;